

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

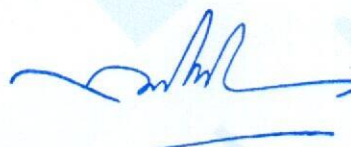
II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)- Trạm cấp nước KDCVL Phú Tân (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật


Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO


Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu	YC112114036/1				
Sample name/ Tên mẫu	Nước thành phẩm (tại bể chứa)- Trạm cấp nước KDCVL Phú Tân (nước ngầm)				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.41	2
Clo dư (Cl2) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.35	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.46	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	7.18< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)- Trạm cấp nước KDCVL Phú Tân (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO




Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Hà Nội office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Bình Chánh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu: YC112114036/2					
Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (tại hộ dân)- Trạm cấp nước KDCVL Phú Tân (nước ngầm)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.43	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.20	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.08	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	5.22< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)- Trạm cấp nước KDCVL Phú Tân (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu: YC112114036/3					
Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (cuối tuyến)- Trạm cấp nước KDCVL Phú Tân (nước ngầm)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.53	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.33	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.52	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	3.27< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

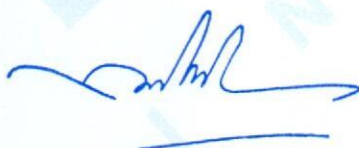
II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Hà Nội office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

đơn Mã mẫu:
 Sample name/ Tên mẫu:
 Test Parameter/
 Chỉ tiêu phân tích

Code/ Mã mẫu: YC112114036/4		Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đồng Thạnh (nước ngầm)			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.48	2
Clo dư (Cl2) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.20	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.57	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	7.18< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Hà Nội office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phú 4 KDC, Bình Chánh district, HCM city.

- Cần Thơ office 1: K2 - 17, Võ Nguyên Giáp street, Cái Rang district, Cần Thơ city.
- Cần Thơ office 2: Area 6, Hưng Thạnh ward, Cái Rang district, Cần Thơ city.
- Thái Nguyên office: 07 Thông Nhất street, Thái Nguyên city, Thái Nguyên province.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu	YC112114036/5				
Sample name/ Tên mẫu:	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.66	2
Clo dư (Cl2) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.32	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.84	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	3.92< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu: YC112114036/6					
Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đồng Thành (nước ngầm)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.51	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.27	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.36	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	5.88< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Phước A
(Thông tin được khách hàng cung cấp) (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phú 4 KDC, Bình Chánh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Võ Nguyên Giáp street, Cái Rang district, Cần Thơ city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hưng Thạnh ward, Cái Rang district, Cần Thơ city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhất street, Thái Nguyên city, Thái Nguyên province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu YC112114036/7					
Sample name/ Tên mẫu Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.56	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.34	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.79	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	4.57< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (*) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (*) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (*) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (*) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (*) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

 Code/ Mã mẫu: YC112114036/8 Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm) Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích:					
Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT	
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.47	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.33	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.37	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	7.18< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1/1

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu: YC112114036/9					
Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.44	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.20	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.29	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	6.53< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước MINI Phú Hữu (nước ngầm)
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

					
Code/ Mã mẫu:	YC112114036/10				
Sample name/ Tên mẫu:	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước MINI Phú Hữu (nước ngầm)				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.59	2
Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.22	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.36	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	4.57< LOQ(10)	15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước MINI Phú Hữu (nước ngầm)
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Page/ Trang: 1 / 2

TE

M.S.N: 1601287028 - C.T.T

CÔNG TY

TNHH

CÔNG NGHỆ

THUẬN HO

Model Mã mẫu:

Sample name/ Tên mẫu

Test Parameter/

[Red circular stamp: "U.S. DEPT. OF THE INTERIOR"]

Page/ Trang: 2 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Address (Địa chỉ) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC112114036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước MINI Phú Hữu (nước ngầm)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong cal nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/09/2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/09/2022
Report date (Ngày trả kết quả) : 19/09/2022

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO



Hoàng Bá Nghị

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@novn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.06

Code/ Mã mẫu: YC112114036/12					
Sample name/ Tên mẫu: Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước MINI Phú Hữu (nước ngầm)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<1
Định lượng Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/100ml	1 CFU/100ml	0	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.64	2
Clo dư (Cl2) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.20	0.2-1
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.81	6-8.5
Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	3.00	6.53< LOQ(10)	15